TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **88**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2023
V/v "Ly hôn giữa anh N với C Trí C"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Bà Phạm Thị Lợi.

- ***Thư ký phiên Tòa*:** Bà Trần Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2023/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Văn N,** sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Cọ Dầu 2, xã Xuân Đông, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* **Trần Thị Trí C,** sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã BT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09/8/2022, bản tự khai ngày 24/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Văn N trình bày:

Anh Nguyễn Văn N với C Trần Thị Trí C tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thường Thới Hậu A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2013. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung có hạnh phúc nhưng đến tháng 05 năm 2020 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, xảy ra những bất hòa trong sinh hoạt mà không thể giải quyết được và đã ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay.

Hiện tại, anh N không còn tình cảm vợ chồng với C Trí C nữa nên anh N yêu cầu ly hôn.

Về Nôi con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị PN, sinh ngày 10/01/2010 và Nguyễn Mạnh Quỳnh, sinh ngày 18/01/2014. Hiện tại, các cháu đang sống với anh N. Sau khi ly hôn, anh N yêu cầu được trực tiếp Nôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu C Trí C cấp dưỡng Nôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn Trần Thị Trí C trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng C Trí C đều vắng mặt không có lý do, mặc dù C Trí C vẫn còn đang sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn Nguyễn Văn N thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn Trần Thị Trí C không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn N đối với C Trần Thị Trí C.

Về Nôi con chung: Anh Nguyễn Văn N được trực tiếp Nôi dưỡng 02 con chung tên là Nguyễn Thị PN, sinh ngày 10/01/2010; Nguyễn Mạnh Quỳnh, sinh ngày 18/01/2014 để đảm bảo sự phát triển bình thưởng của trẻ.

Ghi nhận việc anh Nguyễn Văn N tự nguyện không yêu cầu C Trần Thị Trí C cấp dưỡng Nôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N khai không có, C Trí C không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Văn N có yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn C Trần Thị Trí C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt hai bên đương sự là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Anh N và C Trí C cưới nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thường Thới Hậu A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2013 theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa anh N và C Trí C được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nay, anh N yêu cầu ly hôn, C Trí C vắng mặt và không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh cũng như lời khai của anh N trong quá trình giải quyết vụ án xác định cuộc sống vợ chồng giữa anh N với C Trí C đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ, chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bất hòa trong gia đình và đã ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Toà án đã tiến hành triệu tập anh N và C Trí C để hoà giải, nhằm tạo điều kiện cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng C Trí C vẫn vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy C Trí C đã không còn quan tâm và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh N. Từ đó, đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa anh N và C Trí C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh N là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về Nôi con chung: Cháu Nguyễn Thị PN, sinh ngày 10/01/2010 và Nguyễn Mạnh Quỳnh, sinh ngày 18/01/2014 đã sống với anh N từ nhỏ, anh N chăm sóc và dạy dỗ tốt, cháu Nhung và cháu Quỳnh phát triển bình thường. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị PN và Nguyễn Mạnh Quỳnh để anh N trực tiếp Nôi dưỡng nhằm đảm bảo sự phát triển bình thưởng của trẻ, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị PN và Nguyễn Mạnh Quỳnh (Trên 07 tuổi) và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng Nôi con: Ghi nhận việc anh Nguyễn Văn N Nôi con chung, tự nguyện không yêu cầu C Trần Thị Trí C cấp dưỡng Nôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh N khai không có, C Trí C cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BĐ về quan điểm giải quyết vụ án: Phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Anh N phải Cu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn N đối với C Trần Thị Trí C.

Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn N với C Trần Thị Trí C.

Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn N với C Trần Thị Trí C chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về Nôi con chung: Anh Nguyễn Văn N được trực tiếp Nôi dưỡng 02 con chung tên là Nguyễn Thị PN, sinh ngày 10/01/2010 và Nguyễn Mạnh Quỳnh, sinh ngày 18/01/2014.

Ghi nhận việc anh Nguyễn Văn N Nôi con chung, tự nguyện không yêu cầu C Trần Thị Trí C cấp dưỡng Nôi con.

C Trần Thị Trí C không trực tiếp Nôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Văn N trực tiếp Nôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở C Trần Thị Trí C trong việc thăm nom, chăm sóc, Nôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp Nôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng Nôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn N phải Cu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002198 ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Như vậy, anh Nguyễn Văn N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự anh Nguyễn Văn N, C Trần Thị Trí C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã Thường Thới Hậu A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
(Số 17, quyển số 01, ngày 08/4/2013);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi